| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUÂN TRƯỜNG**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:114/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2022
*V/v*: *Ly hôn giữa anh B và chị D*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đinh Thị Hồng Thơm;

Bà Vũ Thúy Nga.

-***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Trinh -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST- HNGĐ ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Tạ Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã, huyện Ứ, TP Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơ*n: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 5 (Đội 18, xóm B cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ, sinh năm 1961: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt; ông T xin vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Tạ Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyên Ứn, TP Hà Nội đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2021. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không

hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân, nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nguyện vọng của anh được xin ly hôn chị Nguyễn Thị D

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy báo của Tòa án cho chị Nguyễn Thị Du nhưng chị Duyên không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu nên không tống đạt được và đã tống đạt cho ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Du.

*Theo biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Du trình bày:*

Anh Tạ Văn B và chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn chị D và anh Bchưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị D về ở với anh B ở thôn T, xã H, huyện Ứng, TP Hà Nội, mẫu thuẫn giữa anh B và chị D là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mặt khác giữa anh B và chị D có tính đồng bóng. Chị Du và anh B không còn tình cảm sống với nhau không hạnh phúc, anh Bằng xin ly hôn chị Duyên đề nghị Tòa án giải quyết. Anh B và chị Du chưa có con chung, chị Duyên và anh Bằng không có tài sản cũng như không liên quan kinh tế gì với gia đình ông.

*Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã Xuân T*

* Về quan hệ hôn nhân: Trước khi chị D kết hôn với anh Tạ Văn B, chị D đã có một đời chồng và đã giải quyết ly hôn. Anh Tạ Văn B và chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã Lâm Hòa, huyện Ứ, Tp Hà Nội đăng ký kết hôn số 31/2021 vào ngày 24/11/2021. Qua kiểm tra sổ hộ khẩu lưu tại xã X thì chị D có hộ khẩu tại xã X. Sau khi chị D và anh B lấy nhau thì chị D về chung sống với anh B ở Th, xã H, huyện Ứ, TP Hà Nội. Mâu thuẫn giữa anh Bằng và chị D như thế nào thì cơ sở không nắm được. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như lời trình bày của ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của chị D thì đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh B và chị Nguyễn Thị D là phù hợp.

* Về con chung: Anh B và chị D chưa có con chung.

* Về tài sản: Anh B và chị D không có tài sản không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa anh Tạ Văn B và chị Nguyễn Thị DVề tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn B và chị Nguyễn Thị D kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nay anh B xin ly hôn, mặc dù chị D đã được Tòa án làm thủ tục tố tụng thông qua người thân của gia đình nhưng chị D không đến Tòa án cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đến Tòa án về việc anh Tạ Văn B xin ly hôn, điều đó chứng tỏ chị D cũng không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy, mẫu thuẫn giữa anh B và chị D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bằng đối với chị D là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh Bằng và chị D chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Tạ Văn B và chị Nguyễn Thị D.

2. Về án phí: Anh Tạ Văn B phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003035 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh Tạ Văn B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã : 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản ;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Long**